



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý - 2008

Chuyên Đề 6: " TÌM HIỂU CON ĐƯỜNG TU CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI " (HDV: HT. Lê văn Thêm)

Bài số 1: CON ĐƯỜNG TU CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

* * *

PHẦN DẪN NHẬP

Cũng như Phật giáo với Tam Tạng Kinh Điển là Kinh, Luật, Luận, **Đạo Cao Đài còn có thêm một Tạng thứ tư, đó là Cơ mà mục đích của Kinh, Cơ, Luật, Luận, là để dạy tín đồ dụng công tu tập.**

Nói rõ hơn, trên con đường tu, đạo Cao Đài có một nền Giáo lý bắt nguồn từ Kinh Cơ mà Kinh và Cơ thì lại chứa đựng vô thượng thậm thâm vi diệu pháp.

Muốn chuyển dịch vô thượng thậm thâm vi diệu pháp đó ra thành Ý, Ngôn, Hành để người tín đồ noi theo mà thực hành nguyện hạnh nhằm làm hiển lộ diệu lý của Kinh Cơ, tất phải nhờ vào sự giải thích và triển khai Kinh Cơ Giáo lý hay nói rộng hơn là Luận Tạng.

Về Luận Tạng, cũng giống như đạo Phật khi đức Phật Thích Ca vừa nhập Niết Bàn vào lúc Ngài được 80 tuổi, đạo Cao Đài sau 83 năm được Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban Hồng ân hình hiện tại thế gian vẫn chưa có Tạng Luận đầy đủ, sự giải thích Giáo lý cũng như Kinh Cơ vẫn chưa hoàn chỉnh, do đó mà tín đồ trên con đường tu, hay nói rõ hơn là trong cách tu chỉ có nhờ vào Tứ Thời Nhật Tụng mà thôi, còn với quan hôn tang tế thì chỉ hành trì Kinh Tận độ hay Thể Đạo mà giáo chỉ trong Kinh thì cho tới ngày giờ này vẫn chưa có sự giải lý hay giảng luận tận tường vô lậu (1) nhị để dung thông (2) giúp cho tín đồ có được mức độ thâm thấu lý sự viên dung để tâm chứng đầy đủ và trọn vẹn.

* * *

Thật ra, sự giải thích Kinh Cơ cũng như sự giảng luận tường tận Luận Tạng để chỉ rõ con đường tu cho người tín đồ không phải là một việc làm dễ dàng, bằng chứng là với đạo Phật ngay từ khi đức Phật Thích Ca vẫn còn tại thế vậy mà tăng đoàn Phật giáo đã chia phe lập phái rồi và ngay cả bản thân của Đức Phật cũng bị ám hại nhiều lần chỉ tại vì Đề Bà Đạt Đa chưa thấy rõ con đường tu, đã dùng trí thế gian để mong chiếm hữu tăng đoàn của Phật, do đó nên mới lập bày ra Giới luật của riêng mình và buộc Phật phải tuân thủ thực hành nếu không thì tăng đoàn sẽ hoàn toàn chia chẻ thành hai.

Việc làm của ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA trong thời kỳ đạo Phật được thành lập chẳng bao lâu cho thấy con người một khi vẫn còn dựa vào tri thức thế gian, vẫn còn mang nặng thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và Giới cấm thủ (3) thì rất dễ làm hại cho tôn giáo của mình, dù rằng người đó có nhiệt tình, nhiệt tâm đến đâu nhưng **nếu tham, sân, si, mạn, nghi chưa rời bỏ được thì việc lo cho Đạo có khi vô tình trở thành phá hại Đạo mà nguyên nhân chẳng qua là vì tâm chúng vốn lu mờ, Thánh trí chưa được khai thông cũng chỉ vì thân kiến vị kỷ nên chưa thấy rõ Đạo, chưa thấy rõ chân lý, cái Tâm chưa sáng, cái Tánh chưa thông, sống hoàn toàn với tập khí tánh, khí chất tánh (4) mà vẫn cứ mơ màng tưởng rằng đó là Thiên mệnh chi Tánh vì thế mới có việc hành Đạo lại trở thành hại Đạo là vì vậy.**

Sở dĩ có việc hành Đạo mà đôi khi lại vô tình trở thành hại Đạo là tại vì muốn dạy người tu mà mình chưa chịu tu hay chưa có tu, hoặc mình chưa biết cách tu hay mình chưa thấy rõ con đường tu.

Để thấy rõ con đường tu cũng như biết rõ cách tu thì phải nhờ vào Tạng Luật mà việc lập thành Tạng Luật và việc luận giải cách tu và con đường tu của một tôn giáo không thể là việc làm của một người hay một nhóm ít người với một khoảng thời gian nhất định nào đó.

Thật vậy, việc luận giải con đường tu của một tôn giáo như Đạo Cao Đài không thể là việc làm của một người hay một nhóm ít người mà đây là Đạo sự của một tập thể, của những tín đồ và Chức Sắc có toàn tâm toàn ý, khế lý, khế Cơ. Đây là một việc làm hay một Đạo sự hết sức khó khăn mà một cá nhân không thể nào kham nổi.

Để diễn đạt nổi khó khăn đó hầu cầu mong được sự hộ trì của các Đấng và sự góp công góp sức của chư Tôn Đức trong Đạo, người viết xin được kể lại sau đây một nổi khó khăn cũng tương tự mà cách đây hai ngàn năm trăm năm đã xảy ra với đạo Phật qua những lần Kết tập Kinh điển.

Trong hai lần Kết tập Kinh điển thứ nhất và thứ hai bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân và nhu cầu Pháp sự, nhưng một trong những nguyên nhân chính đó là có nhiều Tỳ kheo đã chỉ trích Giới luật và sửa đổi Giới luật.

Chẳng hạn như ngay sau khi Đức Phật Thích Ca vừa nhập Niết Bàn thì Tỳ kheo Bạt Nang Đà (U-Ba-Nang-Đa) đã chỉ trích Giới luật do Phật đặt ra, và sau này nhóm Tỳ kheo Bạt Kỳ lại còn sửa đổi cả Giới luật bằng cách đặt ra nhiều Giới luật riêng cho nhóm mình nằm ngoài Giới luật của Phật dạy.

Việc Tỳ kheo Bạt Nang Đà chỉ trích Giới luật do Phật đặt ra đã được Ngài Ca Diếp nghe và Ngài liền quyết định Kết tập Kinh điển ngay ba tháng sau ngày Phật nhập Niết Bàn để làm sáng tỏ Kinh luật mà Phật đã thuyết giảng nhằm củng cố Đạo tâm của các đệ tử hầu tránh sự thoái chuyển có hại cho Phật pháp.

Trong lần Kết tập thứ nhất đặt trọng tâm vào Kinh tạng và Luật tạng, tôn giả Ca Diếp thực hiện bằng cách trước tiên hỏi tri Giới đệ nhất Ưu Ba Ly về từng điều Giới luật cũng như Ngài A Nan tụng tụng về Kinh, và sau khi những vị này trình bày xong, tôn giả Ca Diếp mới hỏi lại toàn thể năm trăm (500) vị A La Hán hiện diện coi có đồng ý không. Nếu tất cả đều đồng ý thì Giới luật hay Kinh đó được ghi nhận.

Nói rõ hơn là cứ mỗi điều khoản nào của Giới luật được ghi vào Tạng Luật hay mỗi phẩm Kinh nào được ghi vào Tạng Kinh thì trước đó phải có sự đồng ý chuẩn y của tất cả 500 vị A La Hán hiện diện trong lúc Kết tập.

Còn về Luận, do thời gian Kết tập chỉ kéo dài độ ba tháng cũng có nơi nói bày tháng nên kỳ Kết tập lần thứ nhất này phần lớn tập trung vào Kinh và Luật chứ không có Luận. Đa số các

sách Phật giáo đều nói như vậy, nhất là các sách thuộc hệ Nguyên Thủy nói rằng Kết tập Kinh điển lần thứ nhất chỉ lo về Kinh và Luật. Nói rõ hơn, với lần Kết tập một và hai thì không thấy rõ có Tạng Luận như lần ba và bốn.

Mặc dù vậy, cũng có một vài sách nói rằng trong lần thứ nhất có Luận Tạng. Đó là sách Phật Học Tinh Yếu của Hòa Thượng Thích Đức Nhuận và sách Phật Học Tinh Hoa của Hòa Thượng Thiên Tâm nói rằng Ngài Huyền Trang bên Tàu bảo là có. Cuối cùng, nói chung là trên thực tế thì đa số các sách chỉ nói có Kinh Tạng và Luật Tạng được Kết tập trong lần thứ nhất mà thôi.

Tóm lại, sau tám mươi năm kể từ ngày đức Phật thị hiện rồi tịch diệt, và khoảng thời gian này cũng gần tương đương với thời gian Đạo Cao Đài kể từ khi được thành lập đến nay, cả hai tôn giáo Phật và Cao Đài vẫn chưa rõ rệt có Luận Tạng, chỉ có Kinh tạng và Luật tạng mà với đạo Phật thì hai tạng này được Kết tập bởi 500 vị A La Hán lần thứ nhất, và lần thứ hai thì với bảy trăm (700) vị.

Ở đây, khi kể lại việc này, người viết không do mục đích nghiên cứu sâu rộng vì thế nên không có sự tìm hiểu tận tường, do đó nếu có điều chi sơ sót thì xin chư Tôn lượng thứ. Vấn đề mà người viết quan tâm, đó là việc giải thích Kinh Cơ, việc luận giải Giáo pháp và Đạo pháp, nói rõ hơn là giảng Luận và giải lý Luận Tạng nhằm chỉ rõ con đường tu cho tất cả nhơn sanh hay tín đồ.

Chưa nói đến việc luận giảng hay giải lý Luận Tạng là một Đạo sự có phần khá khó khăn, chỉ riêng việc Kết tập Kinh và Luật là những gì mà Đức Phật Thích Ca đã nói, đã dạy thật khúc chiết rõ ràng thế mà trong tăng đoàn Phật giáo thời ấy cũng đã có sự không đồng ý với nhau và việc bất đồng ý kiến được thấy rõ khi một trong mười đại đệ tử của Đức Phật đi về trẻ, không hiện diện được trong những ngày kết tập, đó là Ngài Phú Lô Na.

Ngài Phú Lô Na vì đi giáo hóa ở phương xa nên trở về không kịp và khi Ngài cùng bảy trăm đệ tử về đến thì công cuộc Kết tập đã hoàn tất do đó mà Ngài không có tham dự.

Ngài lúc đó đi tìm lại những vị Trưởng Lão và yêu cầu những vị này tụng lại cho nghe những gì đã được kết tập. Có những phần hay những điều mà Ngài không đồng ý vì thế nên Ngài mới mời một số Trưởng Lão cùng với tăng đoàn 700 đệ tử của Ngài đi đến một địa điểm khác để Kết tập lại.

Đến đây, người viết xin được minh định rõ là người viết không hề có ý vọng động khi bàn đến chuyện của một tôn giáo khác mà người viết rất kính trọng. Người viết chỉ muốn nhờ vào những việc đã xảy ra trước kia để trình bày rằng việc giải thích Kinh kệ, việc giảng luận Giáo lý cũng như làm sáng tỏ Luận Tạng, đặc biệt đối với những gì liên hệ đến con đường tu của một tôn giáo, không phải là một việc dễ làm, bằng cứ là khi thực hiện việc này đã có sự bất đồng ý với nhau ngay cả với những vị A La Hán là những bậc Thánh, là hiện thân của sự Giác ngộ trong thời Phật giáo nguyên Thủy, là những vị đoạn hết ô nhiễm, phiền não, đoạn dứt sanh tử và đã đạt được Hữu Dư Niết Bàn.

Như vậy thì với việc làm của (500) năm trăm vị A La Hán được dẫn đầu bởi đệ nhất đầu đà Ca Diếp là người thừa kế Phật đã lãnh đạo Phật giáo, thử hỏi việc làm của những vị này là đúng hay không đúng?

Chắc chắn là đúng rồi vì đây là việc làm của những tôn giả vào thời ấy được coi gần ngang như Phật. Vậy mà tại sao Ngài Phú Lô Na lại không đồng ý và Ngài Phú Lô Na là ai?

Tôn giả Phú Lô Na cũng là một trong mười đại đệ tử của đức Phật và là người đã được tuyên dương là "Thuyết Pháp Đệ Nhất" vì Ngài là người đủ sức tuyên nói Giáo lý của Phật chẳng những khế Lý mà còn khế Cơ (5).

Ngài cũng là một A La Hán và hơn thế nữa Ngài còn được Đức Phật Thích Ca ấn chứng về sau sẽ thành Phật hiệu là Pháp Minh Như Lai. Tóm lại, Ngài cũng như năm trăm vị A La Hán kia nhưng tại sao Ngài lại không đồng ý với năm trăm vị A La Hán kia mà lại kéo tăng đoàn cùng một số Trưởng Lão đi nơi khác để Kết tập lại.

Việc Ngài Phú lâu Na đi nơi khác để Kết tập lại, nếu đứng về Sự hay Tướng và với trí thế gian thì việc làm này rõ ràng biểu thị một sự bất đồng ý nếu không nói là chia chẻ chống đối.

Tuy nhiên, nếu xét về lý hay Tánh với Tâm thường hằng thanh tịnh thì với việc làm của Ngài Phú Lâu Na không phải là Ngài chống đối năm trăm vị A La Hán kia mà đó chẳng qua là nhằm để bỏ tước những gì cần phải bỏ tước để cho công cuộc Kết tập được toàn vẹn tròn đầy mà thôi. Mặc dù vậy, nhưng với việc không hoàn toàn thỏa mãn với kết quả, không hoàn toàn chấp nhận kết quả của Ngài Phú Lâu Na đối với việc Kết tập của năm trăm vị A La Hán kia thì đây quả là một bằng chứng cho thấy sự chấp nhận, sự đồng tình hay đồng ý về những vấn đề trọng đại là một việc vẫn còn có khó khăn dù ngay cả đối với các vị Thánh.

Đây chính là lý do đã làm người viết khi cố tìm hiểu con đường tu của cuộn tôn giáo là Đạo Cao Đài lại không làm sao có thể chẳng quan tâm đến những ý kiến khác vì biết rằng với Thánh Trí mà còn có khó khăn thay hưởng hồ gì đối với người đời, tâm thức phần lớn là luận lý chớ không phải thực chứng còn nhận thức thì lại hoàn toàn dựa vào trí thế gian, mà trí thế gian lại có liên hệ không rời với bản ngã, và bản ngã lại là hiện thân của chấp ngã, của vô minh, không phải là Chánh kiến hay Thánh trí mà là một đối thủ hay một ngăn che của tình thức tức Giác ngộ, thế thì khó làm sao tránh được sự bất đồng nếu không nói là sự sẵn sàng tranh luận hay chỉ trích.

Đây quả thật là niềm lo âu của người viết dù rằng chỉ là một thoáng nhẹ trôi qua, nhưng người viết luôn vẫn thấy việc giải thích Kinh Cơ, việc giảng luận Giáo lý, việc làm sáng tỏ Tạng Luận, đặc biệt là việc làm cho rõ nét con đường tu của một tôn giáo quả là một việc làm vô cùng khó khăn, khó khăn ở chỗ là để có những điểm bất đồng mà bất đồng thì phần lớn lại tùy thuộc vào tâm chứng mỗi người mỗi khác.

Biết rõ tâm chứng mỗi người mỗi khác, vậy kính xin chư Chức Sắc, Chư Tôn, cùng toàn thể Thiện Hữu tri thức và Đồng đạo nếu thấy có gì thiếu sót trong những bài "Tìm hiểu về con đường tu của đạo Cao Đài" xin vui lòng chỉ dẫn và bỏ tước trong tinh thần **"Kiến hòa đồng giải, ý hòa đồng duyệt"** như vậy thì quý hóa vô cùng./.

* PHẦN CHÚ GIẢI:

(1) Vô lậu: không bị nhiễm ô, không còn bị kiến thức đánh lừa. Vô lậu khác với hữu lậu. Hữu lậu là còn rò rỉ, bất tịnh, nhiễm ô, không hoàn thiện, còn bị kiến thức đánh lừa, còn phiền não, mê lầm.

(2) Nhị đế dung thông: Nhị đế gồm Tục đế và Chân đế mà Lý là Chân đế, Sự là Tục đế. Nhị đế dung thông cũng có nghĩa là "Lý sự viên dung". (Xin xem phần giải thích ở TSTĐ số 33 tháng 8-2007- Bài viết "Bí Pháp Dâng Tam Bửu, Bí Pháp Giải Thoát" của Tác giả Bạch Y)

(3) Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và Giới cấm thủ: Chư kiến ngoài nghĩa thấy còn có nghĩa là quan niệm, kiến giải.

- Thân kiến: là cái thấy hoàn toàn lệ thuộc vào thân, có nghĩa là Vị kỹ, khác với Vị tha.

- Biên kiến: là thấy có một bên, thí dụ như chỉ thấy có Ta mà không thấy có Người

- Tà kiến: Là cái thấy lệch lạc sai lầm, chữ Tà ở đây không có nghĩa là tà ma mà là nghiêng lệch một bên.

- Kiến thủ: Là thủ giữ chặt lấy ý kiến của mình.

- Giới cấm thủ: Là bám giữ Giới luật, cũng có nghĩa là chấp giữ chặt những gì mình quan niệm hoặc đề ra đều đúng, là chân lý, không bao giờ chịu là sai.

Đây là những nguyên nhân quan trọng làm cho con người mê lầm không tỉnh thức, cũng có nghĩa là Vô minh, không thể giác ngộ, là chướng ngại cản trở con đường tu tập.

(4) Tập khí tánh, khí chất tánh: Tập khí tánh là Tánh do thói quen mà thành - Khí chất tánh là Tánh do khí chất của thân bị lệ thuộc vào thất tình lục dục mà thành.

(5) Khế Lý, khế Cơ: Khế là phù hợp. Khế Lý là hợp với Lý, với Đạo. Khế Cơ là hợp với căn cơ.

(HDV: HT. LÊ VĂN THÊM)



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý - 2008

BÀI ĐỌC THÊM

* Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 1

Chuyên Đề 6: **"Tìm hiểu con đường Tu của Tín đồ Cao Đài"**

CÁCH TU THÂN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

*Trích "Tổng Luận về Tu Thân" - Tác Giả: Bạch Y (HT. Lê Văn Thêm)

LỜI KÍNH CÁO:

Bài Đọc Thêm này được **lược trích từ "Bài Tổng Luận về Tu Thân" của Tác giả Bạch Y** đăng trong Tập San Thể Đạo số 31 và 32 năm 2007. Xin kính cáo để chư vị Tham Dự viên cần tìm hiểu có thể tham khảo thêm. Đa tạ.

* * *

Trong phần "Tổng Luận về Tu Thân" xin được chú trọng đến cách tu của Đạo Cao Đài.

Cách tu thân của Đạo Cao Đài trên tổng thể cũng giống như cách tu của Tam Giáo là Nho, Thích, Lão.

Dù vậy, điều cần được nói rõ là trong cách tu của Đạo Cao Đài lại có những đặc điểm riêng biệt, với tiến trình tu tập toàn diện không hoàn toàn giống một Tôn giáo nào. Đây là vì lý do nhân sinh và tánh cách nhân bản, nhân đạo trong tôn chỉ và Giáo lý của Đạo Cao Đài.

Tôn chỉ và Giáo lý của Đạo Cao Đài trên bình diện tổng quát gồm những phần thuộc về tinh

túy Giáo lý của Tam Giáo; vì thế nên mới nói Cao Đài Qui Nguyên Tam Giáo là vậy.

Tuy nhiên, Đạo Cao Đài mặc dù với mục đích cuối cùng là siêu thăng và giải thoát, nhưng lại có cách tu với đặc trưng chú trọng đến quá trình sinh sống và phát triển của con người khi tu, cũng như không quên sự hiện diện của thập loại chúng sinh hay Bát Hồn vận chuyển mà người tu cần phải cứu vớt, giác tha hay phổ độ.

Đây là lý do thứ nhất mà tại sao Đạo Cao Đài không chủ trương hay khuyến khích xuất thế giống như Đạo Phật mặc dù Đạo Cao Đài cũng thấy rõ xuất thế là một đạo hạnh dừng cảm trong Bi - Trí - Dũng và Đạo Cao Đài cũng tán đồng việc xuất thế đối với một số người do căn cơ, có đủ căn cơ, hay khi hội đủ căn cơ, hoặc để đáp ứng nhu cầu pháp sự.

Thứ hai, đây cũng là lý do mà bất cứ ai khi nghiên cứu Giáo lý của Đạo Cao Đài thì cứ ngỡ rằng Đạo Cao Đài chỉ là một Đạo tu Tiên hay tu theo Lão Giáo vì thấy liên quan đến Thiên thì Đạo Cao Đài lại nói luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn Hư và cho đó là cách tu của Đạo Lão.

Cách thấy như thế này tuy có vẻ như là đúng trên một góc cạnh nào đó đối với những ai chưa lý hội được tông chỉ của Đạo Lão. Đây chỉ là cách nhìn dựa trên một trong những cách dụng công tu của Đạo Cao Đài, không hoàn toàn đúng trên toàn diện - vì như đã nói - Đạo Cao Đài tu để siêu thăng giải thoát, cũng như Đạo Lão có mục tiêu cuối cùng là để Phối Thiên, chứ không phải tu luyện để cầu lấy cái thuật trường sinh như phái Thần Tiên được gọi là Hoàng Lão mà vào thời Nho giáo lúc Hán Sơ có nhiều người vẫn tưởng Hoàng Lão đó là Lão giáo.

Đến đây, xin phép mở ra một dấu ngoặc để được ghi thêm là tông chỉ hay Giáo lý của Lão giáo thật ra quá sức cao siêu, cao siêu đến đời đã hơn hai ngàn năm trăm năm, trên khắp năm châu thế giới, mà với một quyển Đạo Đức Kinh năm ngàn chữ thì đã có gần hai ngàn quyển sách với nhiều ngôn ngữ khác nhau cố nghiên cứu, tìm hiểu, lý giải, thế mà đến ngày nay vẫn chưa lý hội ra hết được tinh hoa của Lão Giáo, vì quyển sách của Lão Tử - như René Bertrand trong La Lagesse Perdue trang 305 đã nói - nó chứa đựng tất cả sự khôn ngoan của muôn loài vạn loại trên quả đất này.

Có một điều đáng tiếc là sự tìm hiểu quyển sách này, hay nói rõ hơn là sự nghiên cứu tông chỉ và Giáo lý của Lão Giáo đã chưa đi đến sự lý giải toàn diện và thỏa đáng, lý do là chỉ có kiến thức hay tri kiến thế gian được dùng để hiểu chứ chưa có sự khai thị hay thẩm thấu qua trực giác vô lậu; vì thế mà sự tìm hiểu về tông chỉ và Giáo lý của Đạo Lão vẫn còn thiếu sót với hậu quả là bất cứ một sự thiếu sót nào về hiểu biết đối với Lão Giáo cũng có thể đưa đến một tình trạng tương tự đối với Đạo Cao Đài.

Ở đây, ý của người viết muốn nói là cũng có người đã hiểu lầm Đạo Cao Đài chỉ tu Tiên thôi, và điểm này hoàn toàn không đúng.

Thứ ba, đây cũng là lý do mà tại sao Đạo Cao Đài lại có cách tu thoát nhìn thì giống như Khổng giáo hay Nho giáo. Khổng giáo hay Nho giáo thật ra có phương pháp tu thân hay cách ứng xử rõ nét nhập thế.

Riêng Đạo Cao Đài lại khác. Đạo Cao Đài không phải là một Tôn giáo chủ trương nhập thế như phần lớn các vị trong Nho giáo hay Khổng giáo.

Nói rõ hơn, cách tu của Đạo Cao Đài không chú trọng ngay vào việc xuất thế như Đạo Phật hay hoàn toàn nhập thế suốt cuộc đời như Đạo Nho, mà Đạo Cao Đài lại có cách tu "tại

Thế”.

Với cách tu tại thế cũng có nghĩa là phần nào đó nhập thế, Đạo Cao Đài với những nghi thức và tổ chức, nói rõ hơn là về Thể Pháp phần lớn giống Khổng giáo, và về Bí Pháp thì lại là sự phát hiện và triển khai toàn diện Bí Pháp của Khổng giáo và cũng là Bí Pháp của Lão Giáo và Phật Giáo. Đây chính là lý do mà tại sao Đạo Cao Đài được gọi là “Nho Tông Chuyển Thế” mà cũng là một “Tân Tôn Giáo.”

.....

PHẦN C **CÁCH TU THÂN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI**

A- ĐẠO CAO ĐÀI MỘT TÂN TÔN GIÁO.

Đạo Cao Đài là một Tôn giáo được thành lập tại Việt Nam tính đến nay đã 82 năm. Nói Đạo Cao Đài một tân Tôn giáo vì trước tiên căn cứ vào tông chỉ và Giáo lý. Thứ đến, nói Đạo Cao Đài tân Tôn giáo là do nơi cách tu.

Đạo Cao Đài có một cách tu riêng biệt, phát xuất từ cách tu của Tam Giáo nhưng không hoàn toàn giống bất cứ một Tôn giáo nào trong Tam Giáo.

Cách tu của Đạo Cao Đài có thể hướng dẫn tất cả mọi người, thuộc mọi thành phần trong xã hội, già trẻ bé lớn, ai cũng có thể tu được.

Đặc biệt là cách tu này mặc nhiên chú trọng vào những giai đoạn mà con người có thể tu trong cuộc đời.

Cách tu của Đạo Cao Đài nhằm trước nhất giúp đỡ mọi người sống hạnh phúc chết bình an, làm sao để con người lúc sống được tự tại an vui, và sau khi chết đi rồi thì tránh khỏi tam đồ lục Đạo, để trở lại kiếp làm người. Cuối cùng, chính cách tu này có mục đích tối thượng là hướng dẫn mọi người nếu không giải thoát được hoàn toàn để đạt được Thánh quả tại thế gian và Tự Tánh Niết Bàn sau khi chết thì ít nhất cũng được siêu thăng một trong chín tầng Trời đến vị. Đây là tông chỉ và mục đích của Đạo Cao Đài.

Về tông chỉ, mặc dù nói là một Tân Tôn giáo nhưng Đạo Cao Đài có tông chỉ và Giáo lý Tam Giáo Qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt, tức là trong Giáo lý của Đạo Cao Đài có đủ tinh túy Giáo lý của Tam Giáo nên mới gọi là Qui nguyên, và tông chỉ của Đạo Cao Đài chú trọng về Ngũ Chi Đại Đạo, trong đó Nhơn Đạo là mối Đạo khởi đầu lại là phần quan trọng nhất mà Khổng giáo hơn 2,500 năm qua đã đề xướng, chủ trương và cố công truyền bá.

Có thể nói phần quan trọng mà Đạo Cao Đài tiếp nối, hay nói rõ hơn là phục hưng Khổng giáo, đó là “Nhơn Đạo”. Đây là phần rõ nét nhất cho thấy Cao Đài giáo và Khổng giáo có nhiều điểm giống nhau về thể pháp, đặc biệt là cách tu thân vào một giai đoạn nhất định nào đó của một đời tu.

Như vậy, muốn hiểu một phần nào cách tu thân của Đạo Cao Đài thì nên nghiên cứu thật kỹ cách tu thân của Khổng giáo.

Nói khác hơn, **muốn tìm hiểu Đạo Cao Đài thì điều cần thiết trước tiên là phải hiểu rõ Khổng giáo.**

Cũng vậy, muốn hiểu rõ Khổng giáo tức thấy rõ được phần Hình Nhi Thượng là phần Tâm truyền cao siêu của Khổng giáo tạo cơ duyên thể nhập được ý chỉ Phối Thiên của Đạo Khổng

thì điều quan trọng là phải thẩm thấu diệu lý thâm sâu của Đạo Phật. Nói rõ hơn, nếu chưa trực giác được diệu lý Phật pháp thì khó lòng thể nhập được chân lý mà Khổng Tử muốn Tâm truyền, cũng như có hiểu rõ được Trí Bát Nhã và Lý Bất Nhị của Đạo Phật thì mới có thể thấy diệu lý cao siêu mà Đức Lão Tử đã đề ra Chương 1 và Chương 2 là hai chương quan trọng của Đạo Đức kinh.

Tóm lại, Khổng giáo hay Lão giáo thì nói Thánh Tâm, Phật giáo lại nói Phật Tánh. Dù Thánh Tâm hay Phật Tánh, cả hai cũng đồng cùng nhau, như nhau không có gì khác biệt. Với chín đức tánh của Phật được nói rõ trong Phật pháp thì Đức Lão Tử hay Đức Khổng Tử cũng dạy Thánh Tâm không khác, nếu mọi sự cứu xét về Giáo lý Lão giáo và Khổng giáo được tường tận, nhất là trực giác để thẩm thấu và lý hội được những lời dạy trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử và Kinh Dịch cũng như Sách Đại Học và Trung Dung của Khổng giáo.

Lão và Khổng dạy Thánh Tâm, Phật thì dạy Phật Tánh. Cả hai Thánh Tâm và Phật Tánh thì trong Giáo lý Đạo Cao Đài đều có dạy, và dạy cả cách tu. Người tín đồ Cao Đài tu Thánh Tâm hay Phật Tánh vào những giai đoạn gần như nhất định nào đó của cuộc đời mình, hoặc tu trọn đời tu.

Nói như thế với hàm ý rằng tông chỉ và Giáo lý của Đạo Cao Đài là Qui nguyên vì trong đó có cả phần tinh túy Giáo lý và tông chỉ của Tam giáo, chỉ có khác một điều là cách tu mà thôi.

Nói rõ hơn, về việc tu hành thì Đạo Cao Đài với Giáo lý không khác Tam giáo, nhưng cách tu lại có khác.

Chính chỗ khác này mà có người lại bảo rằng Đạo Cao Đài có cách tu không cao siêu. Bằng cứ là người tín đồ Cao Đài vẫn có gia đình vợ con, vẫn để râu để tóc, sống tại gia, sinh hoạt tại thế, v.v. như vậy thì đâu có thực hành cái "hạnh tử bỏ" cao siêu như Đạo Phật.

Tuy nhiên, nếu muốn thấy và biết cho rõ thì thật ra có những điều cần phải cứu xét tận tường và trước tiên xin bàn đến cách tu của Đạo Cao Đài đối với cách tu của Phật giáo qua quyển "Thiếu Thất Lục Môn" của Đạo Phật.

1)- THIẾU THẤT LỤC MÔN.

Đây là một quyển sách được bảo là của đức Bồ Đề Đạt Ma viết ra.

Dù vậy, cho mãi đến ngày nay, ai là tác giả của quyển sách này vẫn còn là một đề tài nghiên cứu. Dù sao đi chăng nữa thì quyển sách này vẫn ở trong tàng Kinh của Phật giáo được Thiền Tông dùng để giảng dạy Phật pháp và được dịch ra là "Sáu cửa vào động Thiếu Thất" do Trúc Hiên, và Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Xuất bản năm 2000 tại Sài Gòn.

Cứ theo Thiếu Thất Lục Môn thì tại cửa thứ sáu với danh đề là "Huyết Mạch Luận", nơi trang 157-158 có nói như sau:

"Nếu thấy Tâm mình cũng là Phật, không cần cắt tóc cạo râu, hàng Áo Trắng vẫn là Phật". Mà hàng áo trắng được ghi ở quyển sách này thì đó là những người tu ở tại gia.

Như vậy, có nghĩa là tu tại gia cũng có thể thành Phật, chớ không nhất thiết phải xuất gia hay tu ở chùa mới thành Phật được.

Những gì vừa được nói ra trên đây thật ra không hàm xúc ý nghĩa coi nhẹ hay hạ thấp việc xuất gia.

Dù vậy, phải nhìn nhận quyển Thiếu Thất Lục Môn đã truyền đạt một phần Giáo lý thật cao siêu của Phật giáo, vì như Phật đã nói là "Phật tức Tâm, Tâm tức Phật" hay "Tâm, Phật, Chúng Sanh, tam vô sai biệt" mà Lục Tổ Huệ Năng lập lại rất rõ trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Chương 2 Bát Nhã: "Một niệm tinh là Phật, một niệm mê là chúng sanh" hay "không tu tức là phàm, một niệm tu hành, tự thân đồng với Phật", và Ngài đã hoàn toàn giác ngộ làm Tổ

trong khi vẫn còn để tóc, để râu sống chung với bọn thợ săn, hoàn toàn còn trong cuộc đời thế tục.

Nói rõ hơn, theo như những lời Phật đã dạy, theo như những gì Lục Tổ đã nói, cũng như theo Thiếu Thất Lục Môn thì Phật ở tự Tâm của mỗi một con người, chỉ cần thấy Tánh thành Phật chớ chẳng cứ xuất gia hay tại gia.

Thật vậy, nếu thân xuất gia mà Tâm tại gia thì có khác nào thân Tâm như vẫn tại gia.

Xuất gia là xuất thế tục gia, phiền não gia và tam giới gia.

Nếu đã xuất thế tục gia mà phiền não gia chưa xuất được thì quả giải thoát không làm sao thành được.

Người phật tử đạt được quả giải thoát hay không là do ở nơi Minh Tâm Kiến Tánh, tức phải thấy Tánh mới có thể thành Phật được, cũng có nghĩa là Phật ở tại Tâm chớ Phật không ở đâu xa cả. Phật là Tâm, Tâm là Phật. Phật là Chúng sanh, Chúng sanh là Phật mà trong Đạo Cao Đài Đứơc Chí Tôn có dạy: "Thầy là các con, các con là Thầy", cũng như với Khổng giáo thì Người và Trời cũng chỉ là một mà thôi, vì thế nên sách Trung Dung mới viết "Tư tri nhân bất khả bất tri Thiên" hàm súc ý nghĩa Trời người không khác, Trời ở tại người cũng như Phật ở tại Tâm vậy.

Tóm lại, trong việc con người đạt Đạo, đến được cõi Trời hay cõi Phật không thể có sự phân biệt là xuất gia hay tại gia, giàu hay nghèo, nam hay nữ. Chính cũng trong quyển Thiếu Thất Lục Môn lại có nói rõ là "nếu thấy tánh thì chiêm đà-la cũng thành Phật được", mà chiêm đà-la là hạng người hèn mạt nhất ở Ấn Độ, được coi như con vật, ai thấy cũng phải tránh xa ra vì sợ bị nhiễm do những người này chuyên sống với nghề hàng thịt, giết trâu bò, thế mà cũng có thể thành Phật được, như vậy thì lựa là phải phân biệt tu xuất gia hay tu tại gia, mà tu tại gia có dễ hơn xuất gia không? Nếu dễ hơn thì tại sao người đời lại nói "nhứt tu thị, nhị tu gia, thứ ba tu chùa" có nghĩa vào chùa thì dễ tu hơn vì ít có duyên thế gian, chuyện trần tục, chuyện thị phi.

Cũng vậy, nói về thị phi, thì những gì được viết ra trên đây không có nghĩa là để bàn chuyện thị phi, hay cố tạo sự luận bàn với Tâm thế gian trần tục. Những điều cần phải nói rõ không có nghĩa là muốn nói đúng nói sai, nói phải nói quấy, nói tốt nói xấu, đề cao cách tu này hay hạ thấp cách tu khác. Mục đích của việc trình bày là cốt để nói rằng cách tu nào cũng chịu phần ảnh hưởng của những điều kiện chủ quan lẫn khách quan, hoặc cũng do nơi căn cơ mà thôi.

Vậy, đừng phân biệt cao thấp. Ai tu thành Thánh, thành Phật được là đạt được Đạo. Cách tu chỉ là phương tiện mà thôi. Phật đã dạy rõ là qua sông rồi thì còn ôm chiếc đò theo mãi làm gì. Điều cần thiết là làm sao Phối Thiên được, giải thoát được, chớ đừng nên bỏ công vào việc bàn luận cao thấp, xuất gia hay tại gia, chỉ có làm hại cho cái Tâm Đạo của mình thôi.

Người tu phải làm sao cố gắng chuyển Tâm để thành Phật. Nói về vấn đề chuyển Tâm, cũng như khi nói đến chuyển Tâm chớ không chuyển cảnh để thành Phật thì không thể quên được những gì mà Phật đã dạy trong kinh Duy Ma Cật.

2)- KINH DUY MA CẬT.

Kinh Duy Ma Cật còn được gọi là Kinh Tịnh Danh hay "Kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát".

Đây là một đại tác phẩm của Phật Giáo Đại Thừa trình bày giáo pháp tu trì của Đạo Phật qua các cuộc tranh luận giữa những đại đệ tử của đức Phật Thích Ca cùng một cư sĩ tại gia.

Điểm đặc biệt của Kinh Duy Ma Cật là nhân vật chính trong Kinh này không phải là một vị Thanh Văn, Duyên Giác hay Bồ Tát hoặc Phật mà là một trưởng giả tại thế gian.

Vị trưởng giả này tên là Duy Ma Cật, một cư sĩ, một bạch y vào thời đức Phật Thích Ca còn tại thế. Ông ở tại thành Tỳ Đa Li (Vaishali) thuộc vùng đông bắc Ấn Độ.

Ông là một thương gia giàu có và sinh hoạt bình nhật cũng như bao nhiêu thường nhân khác. Ông cũng có vợ con, có gia đình, có họ hàng cha mẹ, bạn bè và công việc làm ăn với đời sống không khác đa số quần chúng thế gian.

Ông là đại diện cho giới cư sĩ, chỉ tu tại gia nhưng am tường Phật pháp và quyết Tâm giải thoát mặc dù không lìa hẳn gia đình để vào chùa tu như bao nhiêu người xuất gia. Nói rõ hơn, ông chỉ là một cư sĩ và chỉ tu tại gia mà thôi.

Đối với những người tu tại gia thì dưới mắt Phật họ đều có thể thành Phật được cả. Đức Phật có dạy rằng tất cả người tu, dù tại nhà hay ở chùa, dù cư sĩ hay tu sĩ, tất cả đều có thể được giải thoát như nhau, và ngay cả trong cõi đời này.

Qua Kinh Duy Ma Cật, Phật khẳng định không phải chỉ có những người xuất gia mới thành Phật được, mà những người tu tại gia, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, già trẻ, hễ bất cứ ai dứt được phiền não, diệt trừ được vô minh để giác ngộ thì cũng có thể giải thoát, cõi Phật sẽ hiện ra ngay với họ, ngay cả khi họ vẫn còn sống tại cõi đời này. Nói khác hơn là việc đạt đến quả vị Phật không hề chỉ dành riêng cho bất cứ một người nào. Bất cứ ai, dù tu bất cứ ở đâu, nơi núi non rừng rậm, ở nhà hay ở chùa, nếu có đủ từ bi, trí tuệ, công bình, giác tha, nhẫn nhục, hỉ xả và Tâm thanh tịnh với ý chí tinh tấn tu hành thì thầy đều có thể thành Phật.

Nói rõ hơn, việc ông Duy Ma Cật mặc dù là một cư sĩ tại gia, vẫn có vợ con, quyến thuộc bạn bè nhưng được đức Phật đưa lên làm nhân vật chính trong Kinh là cốt ý để nói với đại chúng rằng những người có vợ con, còn để tóc râu, chưa hẳn Đạo Tâm và Phật pháp thua kém những bậc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát như những đại đệ tử của đức Phật.

Bằng chứng là những vị đã bước vào hàng Thanh Văn như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nan, Tu Bồ Đề v.v. và những vị đã ở trong hàng Bồ Tát như Di Lặc, Đồng Tử Quang Nghiêm, Trì Thế v.v. tất cả đều không dám đến gặp ông Duy Ma Cật vì ông Duy Ma Cật có Đạo Tâm, Đạo lực rất cao, thông hiểu rất sâu về thật tướng, cũng như giảng nói rành mạch những điểm trọng yếu của các pháp môn vì thế mà các vị ấy không dám lãnh trách nhiệm đi thăm tức không dám đến gặp.

Như vậy, việc tu tại gia hay xuất gia để có năng lượng Từ bi, Tâm bình đẳng và trí hữu sư cũng như vô sư là vấn đề đừng nên chấp chặt. Đó chẳng qua là vì hoàn cảnh riêng cũng như căn cơ sẵn có của mỗi người thôi. Vấn đề quan trọng để được giác ngộ, tức xa lìa được phiền não, tận diệt được vô minh không hẳn là do chuyển cảnh mà cốt ở chuyển Tâm. Nói khác hơn, như phẩm Phật Quốc và phẩm Phương Tiện của kinh Duy Ma Cật đã nói rõ việc đạt Đạo hay không là nhất thiết do chuyển Tâm chứ không phải hoàn toàn nhờ chuyển cảnh.

Đến đây, một lần nữa, có một điều cần phải minh định tận tường, là những gì đã được rút ra từ Kinh Duy Ma Cật không có nghĩa là để bài bác hay phủ nhận tính cách cao cả của việc xuất gia, vì xuất gia nhất là cạo đầu xuất gia đối với giới phụ nữ là một quyết định và hành động đầy dũng lực thực hành Bi, Trí, Dũng. Hơn thế nữa, lợi ích của việc xuất gia là ở vào nơi thanh tịnh như chùa chiền, am tự thì việc tu hành sẽ được dễ dàng hơn. Tuy nhiên, nếu thân xuất gia mà Tâm vẫn tại gia thì chi bằng cứ ở lại tại gia, lo chuyển Tâm chứ đừng chuyển cảnh.

Người tu dù đã xuất thế tục gia tức rời nhà vào chùa ở, nhưng nếu chưa xuất được phiền não gia thì cũng không làm sao có Đạo Tâm thanh tịnh để có được diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí như vậy thì đại viên cảnh trí vẫn còn ở tít mù xa, có nghĩa là không làm sao

vào cõi Phật được.

Nói rõ hơn, đã đành xuất gia là một quyết định và hành động đầy dũng lực, dù vậy cũng chớ nên xem việc tu tại gia là còn kém cõi. Thành Phật ở tại Tâm chớ không do nơi cảnh. Về việc tu xuất gia hay tu tại gia thì người tu và kể cả người chưa tu, nên nhớ chỉ xem như là một thể pháp làm phương tiện giúp đỡ việc tu. Có xuất gia được là điều đáng mừng, nhưng nếu đã xuất gia rồi hay dù vẫn còn ở tại gia chưa bước vào đường tu mà lấy xuất gia tại gia để làm điều so sánh hơn thiệt thấp cao thì cửa Thiên Đàng sẽ không bao giờ rộng mở, có nghĩa là cõi Phật sẽ không bao giờ đến được.

Phật nói “chuyển Tâm chớ không chuyển cảnh” có nghĩa là dù ở hoàn cảnh nào, dù ở nơi đâu, dù đã cạo đầu hay vẫn còn để tóc râu, vấn đề quan trọng là làm sao hết vô minh cho “Tâm tức Phật” chớ cảnh chỉ là yếu tố trợ lực, chỉ có thể hỗ trợ giúp đỡ hay ngăn trở một phần nào đó việc tu hành mà thôi. Xuất gia hay tại gia, bất cứ ở nơi đâu, nếu tu hành đúng thì vẫn có thể đạt Đạo.

Bằng chứng là Pháp Sư Ấn Tông, vị trụ trì chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu là một Tỳ kheo đã xuất gia thế mà vẫn tôn thờ một cư sĩ chưa cạo đầu xuống tóc để làm thầy, đó là Lục Tổ Huệ Năng. Bằng chứng này được nêu ra không nhằm mục đích đề cao cư sĩ hay người tu tại gia mà chỉ muốn nói rằng mỗi người có một hoàn cảnh, mỗi người có mỗi căn cơ, tu tại gia hay xuất gia cũng vì hoàn cảnh hay căn cơ và cả hai đều có thể thành Đạo, đừng nên đem cao thấp luận bàn. Nếu nghĩ rằng tu tại gia thấp hơn, tu xuất gia cao hơn, thì đó chỉ có làm hại cho lòng từ bi và trí tuệ cũng như Tâm bình đẳng của người tu mà thôi.

Trong việc tu hành cũng như giữa các Tôn giáo với nhau đừng nên phân cao thấp. Nếu nói ta cao người thấp thì ngay đó ta đã thấp rồi, cũng như Lục Tổ Huệ Năng đã dạy “nếu nói lỗi người thì lỗi ta liền có ngay tại đó”

Đạo Cao Đài với Tôn chỉ và Giáo lý Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt đã thờ và đưa Tam Giáo kể cả Ki Tô Giáo về đúng vị trí.

Đạo Cao Đài thờ cả Tam Giáo và Ki Tô Giáo không hề phân biệt việc vào chùa hay đến nhà thờ, kính Chúa hay lạy Phật.

Đạo Cao Đài có cách tu với bước đầu hoàn toàn “Nhơn Đạo” nhưng cũng không hề quên Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo.

Cũng có người chưa thấu rõ hết Đạo Cao Đài nên bảo rằng Đạo Cao Đài không có xuất gia. Không phải như vậy.

Nếu nghĩ như vậy thì chắc là chưa hiểu được yếu chỉ đã thành lời cam kết và lời thệ nguyện “cắt ái ly gia, phế đời hành Đạo” mà trước mỗi khi muốn được thọ phẩm Lễ Sanh (Student Priest) để làm Đầu tộc Đạo thì chúc việc hương Đạo là Chánh Trị Sự phải phát thệ điều này trước một vị giáo phẩm của Hội Thánh cử đến để tìm hiểu và xác nhận Tâm ý của chúc việc muốn cầu phong.

Cũng có người cho rằng Đạo Cao Đài không có giới tu sĩ ly gia thoát tục. Điều này cũng không phải như vậy.

Cũng giống như Khổng giáo, Đạo Cao Đài cũng có tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên đồ đệ tức ba mươi sáu vị Phối Sư, bảy mươi hai vị Giáo Sư, ba ngàn vị Giáo Hữu trên phẩm Lễ Sanh. Tất cả những vị này đều trường trai và hoàn toàn “phế đời hành Đạo”. Ngoài Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền và Tam Thiên đồ đệ trong thành phần Hội Thánh, Đạo Cao Đài còn có nhiều Thể Pháp và Bí Pháp khác nữa biểu trưng rõ rệt Nho Tông chuyển Thế để thực hiện giáo pháp tu trì trước tiên về phần Nhơn Đạo rồi sau đó mới đến phần Thiên Đạo.

Đây là lý do mà tại sao trong chữ Nho có câu:

“Dục tu Thiên Đạo, tiên tu Nhơn Đạo,
Nhơn Đạo bất tu, Thiên Đạo viễn hĩ”.

Và trong Tôn giáo Cao Đài, Thánh ngôn cũng có dạy như sau:

“Sai lầm một thuở biết ăn năn,
Năn nỉ lòng kia tự xét rằng,
Rằng ở đời thì Nhơn Đạo trọn,
Tron rồi Thiên Đạo mới hoàn toàn”

Hay:

“Một Trời đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mỗi thiên cơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẽ mới thành Tiên”

Có nghĩa là muốn thành Tiên, thành Thánh, thành Phật, không phải riêng tín đồ Cao Đài mà tín đồ của tất cả các Tôn giáo cũng đều phải “Thành Nhơn” trước đã, vì một khi Đạo làm người tức “Nhơn Đạo” mà chưa hành trì trọn vẹn thì việc tu Tiên, tu Phật chẳng qua chỉ như để “gãi ngứa ngoài da” mà thôi.

Đây là lý do mà tại sao Đạo Cao Đài trước mắt và dễ thấy nhất tại có cách tu “Nhơn Đạo”.

Theo Đạo Cao Đài cũng như theo Khổng giáo thì tất cả con người vì đang tại thế nên khó ai có thể tránh khỏi ít nhiều nhập thế trước khi muốn xuất thế mà như một học giả có nhiều nhiệt huyết phục hồi Nho giáo cũng như Đạo Tâm đối với Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo là Nhân Tử Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ đã viết trong Tinh Hoa các Đạo giáo NXB Nhân Tử Văn California USA 2002 Trang Tựa III, IV như sau:

“Có một điều lạ là muốn tìm ra con đường nội Tâm, trước hết phải băng qua ngoại cảnh, trần hoàn, xác thân. Nói thế có nghĩa là phải hưởng ngoại trước rồi mới hưởng nội sau, phải đi ra Đời trước, rồi mới đi vào Đạo sau. Những con người muốn dứt giai đoạn, muốn tránh sự đời từ thuở còn thơ, rất là khó mà tìm được con đường nội Tâm, vì lòng họ càng ngày càng luyện tiếc thế sự, luyện tiếc những thú vui trần hoàn, bị văn vật vì những khát khao không được thỏa mãn. . . .

Một căn do làm cho nhân loại khổ đau, chính là vì đã lãng quên mất giá trị vô biên của mình, dòng dõi sang cả của mình, tưởng rằng Trời, Phật xa cách mình. Có biết đâu rằng Trời, Phật hiện tiền trong đáy thẳm lòng sâu của mình. Trời, Phật chính là bản thể của mình, nhưng đã bị bụi bặm trần hoàn che phủ mất”.

Mà quả thật vậy. Nhiều người nói chung đã quên dòng dõi sang cả của mình, cũng như không ít hậu Nho nói riêng đã quên mất giá trị vô biên của Khổng giáo.

Vì quên mất giá trị thực tiễn và chân lý vi diệu của Khổng giáo nên nhiều nhà Nho khi nhập thế đã không còn nhớ phải tiếp tục lo tu tập hay thực hành “Nhơn Đạo”, và cũng tại vì quên nên Nho gia đã để cho lu mờ đi những gì mà Đức Khổng Tử đã dạy trong sách Đại Học và Trung Dung, cũng như đã không khai triển hay hiển dương được đúng mức phần cao siêu nhất trong Kinh Dịch khiến cho Giáo lý Phối Thiên của Khổng giáo đến ngày nay hầu như hoàn toàn mai một và phương pháp hay cách tu thân của Khổng giáo cũng ngày lại lu mờ mà người đời còn thấy hay nhớ chẳng chỉ là cách tận tình nhập thế của nhiều hậu Nho chỉ vì lý do “Phụ mẫu chi dân” hay cao đẹp hơn một chút là “lương y như từ mẫu” mà thôi.

Tu thân với Khổng giáo thật ra là một phương pháp tu toàn diện, gồm có cả tu thân lẫn tu Tâm. Đây cũng là cách tu của Đạo Cao Đài vì tại thế nên cũng khó tránh khỏi phần nào

nhập thể.

Rồi cũng chính vì tại thế nên trước tiên Đạo Cao Đài phải thực hành “Nhơn Đạo” trong Ngũ Chi Đại Đạo, nghĩa là trước hết phải bằng qua ngoại cảnh trần hoàn rồi mới đi vào nội Tâm, tức phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, nghĩa là phải đi ra Đời trước rồi mới vào Đạo sau, đúng như lời Đức Hộ Pháp đã dạy trong những đêm thuyết Pháp 5/4, 9/4, 13/4, và 2/5 năm Kỷ Sửu 1949 tại Đền Thánh rằng:

- Có biết Thể Pháp (hữu hình Đời) rồi mới biết Bí Pháp (Vô hình= Đạo)
- Thể Pháp là cơ quan giải khổ. Bí Pháp là cơ quan giải thoát.
- Thể Pháp của Đời và Bí Pháp của Đạo có liên quan với nhau. Nếu không nghe Đời thì không thể nào biết đến Đạo.
- Phải ra Đời trước rồi mới vào Đạo sau.

Tóm lại, cách tu của Đạo Cao Đài theo Kinh, Cơ và Ngữ lục của Đức Hộ Pháp là phải ra Đời rồi vào Đạo. Đây là cách tu với những đặc trưng riêng của Đạo Cao Đài.

Xin được bàn về cách tu của Đạo Cao Đài, một cách tu thân bắt nguồn từ Tam Giáo nhưng lại có những đặc trưng riêng biệt.

B- CÁCH TU THÂN THEO KINH, CƠ VÀ NGỮ LỤC CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.

Giáo lý Đạo Cao Đài dạy tu thân được thấy qua Kinh, Cơ và Ngữ lục.

Kinh kệ cũng như Thánh ngôn tại đàn cơ do Đức Chí Tôn giáng trần trong đêm khai Đạo 14 tháng 10 năm Bính Dần (19 -11-1926), cộng thêm Ngữ lục của Đức Hộ Pháp có dạy rất rõ về việc tu thân, nói rõ hơn là tu Nhơn Đạo và Thiên Đạo.

Thật vậy, trong Kinh Niệm Hương và Kinh Khai Kinh có những đoạn như sau:

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp.

.....

Và:

“Trong Tam giáo có lời khuyến dạy,
Gốc bởi lòng làm phải làm lành.
Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,
Từ Bi Phật dạy: Lòng thành lòng nhơn.
Phép Tiên Đạo: Tu chơn dưỡng tánh.”

.....

Các câu Kinh vừa nêu trên cũng như Thánh giáo và ngữ lục sẽ được ghi ở phần kế tiếp theo sau chỉ rõ cho tín đồ Đạo Cao Đài cách tu thân tu Tâm được phân ra làm hai phần, gồm có tu thân là phải hành Thiện giống như Giáo lý Khổng giáo và Phật giáo, và tu thân Tâm là phải có lòng thành, cũng không khác Khổng, Phật.

Xin được trình bày cách tu thân và tu thân Tâm của Đạo Cao Đài qua hai phần nói trên.

1)- TU THÂN LÀ HÀNH THIỆN:

Trong bài Khai Kinh của Kinh Cúng Tứ Thời có hai câu như sau:

“Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,
Gốc bởi lòng làm phải làm lành.”

Có nghĩa tu thân thì cái gốc là **phải làm Thiện làm lành.**

Đây là điểm trước tiên cho thấy Đạo Cao Đài cũng giống như Đạo Khổng, vì Khổng giáo hành Đạo thì nhập thể, còn tôn chỉ hay chủ trương Phối Thiên thì “Tại Minh Minh Đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí Thiện” có nghĩa là đối với mọi sự, mọi vật thì phải đến chí Thiện mới thôi.

Còn Đạo Cao Đài, vì tín đồ Đạo Cao Đài tại thế nên phải đến với mọi người để mà tu, ở trong mọi người để mà tu, gieo nhen lành với mọi người như thế mới đúng là tu. Nói khác hơn là cách tu thân của Đạo Cao Đài không xa lánh vạn linh, nhưng trái lại Đạo Cao Đài tu bằng cách tìm đến vạn linh, sống với vạn linh để phục vụ vạn linh, làm lợi ích cho vạn linh, đó gọi là hành Thiện, đó gọi là tu, nói rõ hơn là tu Nhơn Đạo.

Đây chính là điểm mà thoát tiên có người lại cho rằng Đạo Cao Đài có cách tu khác Đạo Phật, vì Đạo Phật xuất thế còn Đạo Cao Đài nếu không hoàn toàn nhập thế thì cũng tại thế do đó dù ít dù nhiều cũng có nhập thế. Như vậy, Đạo Cao Đài chỉ như là Đạo Nho mà thôi, không có gì cao siêu, vì vẫn còn vướng bận trần ai nên không làm sao giải thoát được cả.

Sự thật không phải như vậy.

Như đã trình bày, Giáo lý dạy tu của Đạo Phật cũng nào có khác chi Giáo lý dạy tu của Đạo Cao Đài. Nếu Đạo Cao Đài dạy tu bằng cách nói rằng tu là "gốc bởi lòng làm phải làm lành" thì Đạo Phật với lời dạy "Chư ác mạc tác, tín Thiện phụng hành" cũng nào có khác chi.

Hơn thế nữa, với Phật giáo Đại thừa thì Kinh Kim Cang cũng dạy tương tự như được ghi ở chương 23 là muốn thành Phật thì không gì khác hơn là phải hành Thiện, "Tu nhất thiết Thiện pháp tức đắc A Nâu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề" nghĩa là đắc quả Phật.

Tóm lại, để giải thoát hay đắc quả Phật thì nhà Thiền (Thiền Sư Ô Sào) cũng như Phật giáo Đại Thừa (Kinh Kim Cang) cả hai dạy rõ là phải hành Thiện dù rằng có kèm thêm một hai điều kiện sẽ được trình bày ở phần sau.

Kinh Phật Giáo Đại Thừa dạy như thế còn Kinh Phật Giáo Tiểu Thừa thì như thế nào?. Phật giáo Tiểu Thừa qua kinh Nikaya chỉ rõ rằng trong Phật giáo có nói đến bốn mức Thiền và bốn quả vị Thánh.

Bốn mức Thiền là sơ Thiền, nhị Thiền, tam Thiền và tứ Thiền.
Bốn mức độ Thánh là sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm và tứ quả A La Hán.

Có nhiều người bảo rằng bốn mức độ Thiền và bốn quả vị Thánh có liên hệ với nhau. Phải chăng tu 4 mức độ Thiền là đạt được 4 quả vị Thánh?

Sự thật không có sự tương đương hay liên hệ về cách tu và đắc quả vị như vậy. Chẳng phải đạt sơ Thiền là đắc sơ quả, tứ Thiền là tứ quả Thánh. Hai cách tu này không có sự song đôi, tương đương từng cặp một.

Tu Thiền là khép kín, tìm tĩnh lặng để mà tu, xa lánh quần chúng để mà tu, tức là cách tu đi vào nội Tâm, xa ngoại cảnh. Cách tu Thiền được đánh giá theo mức độ thanh tịnh của Tâm, nghĩa là Tâm vào định được mức độ nào thì đạt Thiền đến mức độ đó.

Còn tu quả vị Thánh là cách tu để diệt trừ các kiết sử, tức những pháp bất Thiện nó cột trói và sai sử con người. Cách tu này không thể tu khép kín, không thể xa lìa mà phải tiếp xúc với chúng sanh, đến với chúng sanh để mà tu.

Phải đến với chúng sanh, hành Thiện giúp ích cho chúng sanh thì mới phá được "Thân Kiến" là kiết sử thứ nhất cần phải diệt trừ.

Có diệt trừ được thân kiến tức vị kỷ để mở rộng vị tha thì mới mong đến quả Thánh được. Nói rõ hơn, muốn đạt quả Thánh thì phải diệt trừ vị kỷ (Thân Kiến), đa nghi, cố chấp (giới cấm thủ) và phải hoàn toàn vị tha nghĩa là quên mình lo cho người, giúp đỡ người, phục vụ

cho người, làm lợi ích cho người tức mang đến cho người an lạc hạnh phúc, mang đến cho người tất cả Thiện lành, cũng có nghĩa là hành Thiện.

Như vậy, để đạt Đạo theo Phật Giáo Tiểu Thừa với Kinh Nikaya thì cũng phải tập trung trước tiên vào việc mang đến Thiện lành cho chúng sanh, tức làm việc có lợi ích cho chúng sanh thì mới mong đạt quả.

Đây một lần nữa chứng minh cho thấy rằng muốn đạt quả vị Thánh, đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì trước tiên người tu phải làm việc Thiện. Đây là Giáo lý của Tam Giáo mà cũng là Giáo lý của Đạo Cao Đài. Nói rõ hơn, Giáo lý Đạo Cao Đài có dựa vào Giáo lý Tam Giáo để tu thân như kinh Đạo Cao Đài đã ghi là "Trong Tam giáo có lời khuyến dạy; Gốc bởi lòng làm phải làm lành". Ngoài ra, Đạo Cao Đài lại còn có phần Giáo lý riêng nói rõ lý do về việc dạy dỗ tín đồ nếu muốn tu thân là phải hành Thiện trước trên.

* LÝ DO HÀNH THIỆN:

Ngoài Kinh Kệ dạy hành Thiện, Đạo Cao Đài còn có ngữ lục nêu rõ lý do phải hành Thiện. Những lý do này bắt nguồn từ những lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp dạy cho biết tại sao người tu muốn đạt quả siêu thăng hay giải thoát thì trước tiên phải Thiện lành và phải phục vụ vạn linh.

Theo Giáo lý của Đạo Cao Đài với ngữ lục của Đức Hộ Pháp qua các lần thuyết Đạo tại Đền Thánh thì:

1/- Mỗi người chúng ta "khi được hình rồi, có hiện tượng tại mặt thể này rồi tức có xác thân này rồi thì chúng ta ngó thấy chúng ta có ba mối nợ"

- Nợ thứ nhất là nợ thi hài của mình do cha mẹ sinh ra rồi nhờ xã hội nhơn quần mới sống được. Con người phải trả đủ mối nợ này rồi thì mới về cảnh Thiêng Liêng Hằng sống được, tức mới đạt Đạo được.

- Nợ thứ hai là việc đối với Đức Phật Mẫu, Đấng đã sản xuất ra Chơn Thần mà Đạo Cao Đài gọi là Pháp thân.

- Nợ thứ ba là đối với Đức Chí Tôn đã ban cho chúng ta Chơn Linh, tức Linh Tánh là tánh của ông Trời ở trong xác thân này.

2/- Mỗi người chúng ta phải trả cho xong ba mối nợ này thì mới mong được siêu thăng hay giải thoát, nghĩa là về với cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống tức đạt được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả Phật (Thuyết Đạo đêm 11.6.Kỷ Sửu 1949).

Muốn trả cho xong ba món nợ vừa nói trên - theo Đức Hộ Pháp dạy - thì chúng ta phải phụng sự cho Đạo bằng cách làm lợi cho Vạn linh. Mà "hễ không phụng sự cho Đạo, cho vạn linh, làm lợi ích cho nhơn sanh tức nhiên là vô Đạo, mà vô Đạo thì không thể gì đạt cơ giải thoát được" (Thuyết Đạo đêm 8-6-Kỷ Sửu 1949)

3/- Biết được mình có ba món nợ và cố trả cho xong được ba món nợ ấy bằng cách phụng sự cho Đạo, làm lợi ích cho nhơn sanh tức là biết tu thân. Tu thân bằng cách phụng sự, bằng cách tiêu trừ thân kiến tức xả kỷ để vị tha, quên mình để làm lợi cho người, đó là hành Thiện và đó là Nhơn Đạo. Nói khác hơn, theo như lời Đức Hộ Pháp dạy thì: "Tu thân, tức nhiên Nhơn Đạo đó vậy." (Thuyết Đạo đêm 25.5. Kỷ Sửu 1949).

Nói Nhơn Đạo là theo Khổng giáo, còn đặc biệt với Đạo Cao Đài đó là mỗi Đạo khởi đầu trong Ngũ Chi Đại Đạo.

Nhơn Đạo là Đạo làm người đối với người thân, đối với nhơn quần xã hội. Phải làm xong mỗi Đạo này rồi mới mong thực hành được bao mỗi Đạo khác. Không làm tròn Nhơn Đạo thì thôi

đừng mong gì có thể nói đến Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo. Nói khác hơn, trước khi có thể thành Thánh, thành Phật, con người phải Thành Nhân tức làm tròn bốn phận làm người trước đã.

Muốn làm tròn bốn phận làm người thì trước tiên phải làm Thiện bằng cách gieo nhân lành với tất cả mọi người. Muốn gieo được nhân lành thì trước nhất con người phải vị tha. Vị tha bằng cách phá thân kiến, diệt lòng ích kỷ chỉ biết lo cho mình, như vậy thì con người mới có thể phục vụ cho vạn linh, mà phục vụ vạn linh thì đó là cái dịp để trả xong ba món nợ.

Nói rõ hơn, để làm tròn Nhơn Đạo, người tu bắt buộc phải vị tha và hành Thiện. Hành Thiện có nghĩa là nghĩ Thiện, nói Thiện và làm Thiện. Hành Thiện với lòng vị tha là khâu mở đầu của việc tu thân, mà nếu thiếu thì khâu thứ hai lo tịnh Tâm, vô ngã và vô pháp dù tu tới đâu thì cũng không làm sao đắc quả được.

Phật nói như vậy, Thánh cũng nói như vậy. Cả hai Thánh thư và Kinh Phật đều dạy không khác, duy chỉ có cách dụng công trải qua thời gian và không gian có nhiều biến đổi nên có khổ khác nhau thôi.

Đây chính là điều mà tín đồ Đạo Cao Đài đã cảm nhận và thấm thấu được từ lời dạy của Đức Chí Tôn và các đấng Thiêng Liêng qua Kinh và Cơ. Cũng chính đây là lý do mà trong bài Khai Kinh của Đạo Cao Đài mới có câu "gốc bởi lòng làm phải, làm lành" nghĩa là căn gốc của sự tu hành, đó là phải làm lành hành Thiện.

Còn về cách tu, Đạo Cao Đài tuy có bắt nguồn từ Tam giáo, rõ nhất là Khổng giáo, dù vậy tín đồ Cao Đài lại có cách tu khác hơn Nho gia, đó là do Đạo Cao Đài đã hoàn toàn chú trọng, đánh giá đúng, đặt đúng vị trí, cũng như dụng công đúng mức ở phần Nhơn Đạo.

Có thể nói Nhơn Đạo là phần thực tế nhất, nhân bản nhất mà có nhiều người vì muốn tìm cách tu cao siêu nên hay chê bai hoặc coi thường, do đó mà ít người hoặc không nhiều Tôn giáo chịu bỏ thì giờ nghĩ đến, hoặc có nghĩ nhưng không coi Nhơn Đạo là một trọng Tâm để lo tu ở bước đầu tiên. Đây quả là một điều đáng tiếc vì Nhơn Đạo là Đạo làm người, bốn phận làm người đối với nhau, ngoài xã hội cũng như trong gia đình, giữa thân thuộc họ hàng. Đây là những việc thường nhật tuy dễ mà khó, tuy khó mà dễ.

Nói dễ là ở chỗ chớ nên thái quá mà cũng đừng bất cập, cứ làm tròn bốn phận thường nhật với lòng vị tha Tâm hành Thiện, như vậy thì bốn phận trong gia đình cũng như ngoài xã hội chắc chắn sẽ là sự vừa lòng của mọi người trong gia đình và sự vừa ý của mọi người ngoài xã hội.

Còn nói khó bởi đây là những việc thường nhật, thường hành, mà thường hành thì dễ trở thành thói quen khiến con người lại có khuynh hướng xem thường nên dễ quên, ít để ý và mất Thành ý.

Một khi mất Thành ý rồi thì chắc chắn sẽ khó làm đúng, dễ làm sai, tức Nhơn Đạo sẽ không tròn rồi Thiên Đạo gồm có Thánh Đạo và Phật Đạo cũng không làm sao đạt đến được.

Như vậy, chữ Thành rất quan trọng trong việc tu thân, gồm có tu Nhơn Đạo và tu Thiên Đạo. Xin được nói đến chữ Thành trong việc tu thân.

2)- TU THÂN PHẢI CÓ LÒNG THÀNH.

Một lần nữa xin được lập lại là chữ tu thân trong Đạo Cao Đài được dùng giống như Đạo Khổng, cũng cùng có nghĩa là tu thân lẫn Tâm.

Để tu thân Tâm, mặc dù thể pháp của Đạo Cao Đài có phần giống Khổng giáo, nhưng Giáo

Lý Đạo Cao Đài dạy tu qua Kinh, Cơ thì gồm có đủ tinh túy Giáo lý của Tam Giáo.

Ngay bài Kinh đầu tiên là bài Niệm Hương với câu đầu tiên của bài Kinh này là “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”, và bài Khai Kinh kế tiếp tong đó các câu “Trung dung Khổng Thánh chỉ rành; Từ Bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn; Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh...” Đạo Cao Đài đã cho thấy rõ là trong Giáo lý của Đạo Cao Đài có cả Giáo lý Khổng giáo và Phật giáo, cũng như muốn tu đạt Đạo thì người tu phải có lòng Thành.

Nói phải có lòng Thành vì rõ ràng Phật nói “Từ Bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn” còn Khổng thì nói “Trung dung Khổng Thánh chỉ rành” mà chỉ rành ở đây là chỉ rành cái gì? Đó là chỉ lòng Thành, vì như Nho gia, học giả, tất cả đều biết và nói rõ sự dạy dỗ trong sách Trung Dung của Khổng giáo tựu trung chỉ có chữ Thành mà thôi.

Nói khác hơn, với một chữ có thể thu tóm hết ý nghĩa 33 chương của sách Trung Dung, đó là chữ Thành. Vậy xin được bàn đến chữ Thành.

THÀNH:

Theo sách Trung Dung thì:

1/- Thành là Đạo của Trời mà học đến Thành là Đạo của người (“Thành giả, thiên chi Đạo dã; Thành chi giả, nhân chi Đạo dã” - Trung Dung, Chương 20, đoạn 5) có nghĩa Thành là Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo mà trở nên. Thành cũng là Nhơn Đạo tức Thành là Đạo của Trời và trở nên Thành là Đạo của người. Vậy cứ tựa vào chữ Thành mà làm tròn Nhơn Đạo cũng như đạt được Thiên Đạo. Đây chính là lý do mà Đạo Cao Đài mới nói “Đạo gốc bởi lòng Thành tín hiệp” nghĩa là muốn đến được với Đạo, thì người tín đồ Cao Đài bắt buộc phải có lòng Thành. Như vậy, chữ Thành thật vô cùng quan trọng cho việc đạt Đạo. Nếu không có lòng Thành thì người tu khó ai có thể đến với Đạo và đạt được Đạo.

2/- Thứ hai Thành là cái gốc của Thánh nhân, và Thánh cũng chỉ là bậc Thành mà thôi (Thành giả Thánh nhân chi bản; Thánh, thành nhi dĩ hi) có nghĩa Thành là cái tạo ra Thánh nhân, cái gốc của Thánh nhân. Nói rõ hơn, muốn làm Thánh hay muốn trở nên Thánh, hoặc đúng hơn là để đạt Thánh quả không gì khác hơn là phải Thành.

Đây là lời dạy trong sách Thông Thư của danh Nho Đạo Học Đời Tống là Chu Đôn Di tức Chu Liêm Khê.

Sách Thông Thư còn nói rõ thêm rằng Thành là “cái cội rễ của ngũ thường, là cái gốc của trăm nết” nghĩa là Thành là cái cốt cán của Nhơn Đạo, cái chuẩn tắc để hướng dẫn con người làm tròn Nhơn Đạo.

Hơn thế nữa, theo Thông Thư của Đôn Di thì Thành còn vượt qua Thiện ác, mà Thành cũng đồng thể với Thái Cực, có nghĩa Thành cũng là Thiên Đạo mà người tín đồ nếu muốn đến được với Đạo, đạt được Đạo, được siêu thăng hay giải thoát thì phải Thành.

Đến đây, điều cần phải nói là trong việc tu hành, nhận thấy chữ Thành quả thật quá quan trọng. Phải có Thành mới đạt Đạo được. Vậy Thành nghĩa là gì và muốn Thành thì phải làm sao?

Nghĩa của chữ Thành rất sâu rộng và cao siêu xin được hội ý rõ ràng và đầy đủ với đồng Đạo sau này. Riêng ở đây, xin được ghi vắn tắt: Thành có nghĩa là không tự dối gạt mình. Hễ cái gì mà lương tri biết Thiện là Thiện, ác là ác, và mình làm đúng theo lương tri thì đó là Thành.

Muốn Thành theo Nhơn Đạo thì phải làm sao?

Muốn Thành theo Nhơn Đạo, người tín đồ Cao Đài phải giữ đủ Ngũ Thường và Ngũ Luân. Ngũ Thường là nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín và Ngũ luân là Đạo quân thần, Đạo phụ tử, Đạo phu thê, tình huynh đệ, tình bằng hữu. Ngũ luân đây là năm bốn phận mà trong đó Đạo quân

thần là bốn phận đối với quốc gia. Phải làm xong thì mới đạt Đạo, và Đạo được nói đây là Nhơn Đạo.

Tóm lại, muốn đạt được Nhơn Đạo thì người tín đồ Cao Đài phải đạt được chữ Thành mà muốn đạt được chữ Thành thì phải vẹn Ngũ thường, trọn Ngũ luân. Có vẹn được Ngũ thường, trọn được Ngũ luân thì Nhơn Đạo mới tròn nghĩa là việc thực hiện lời dạy trong câu đầu của bài Niệm Hương mới có thể nói là làm đúng và đầy đủ riêng về phần Nhơn Đạo; mà Nhơn Đạo là mỗi Đạo đầu trong Ngũ Chi Đại Đạo được Đạo Cao Đài cũng như Đạo Khổng đặt vào tầm quan trọng đặc biệt trước tiên, do đó mà người tín đồ Cao Đài cũng cần biết rõ.

Để biết rõ, xin được trình bày với đồng Đạo ở một bài viết khác đầy đủ hơn mà mục đích là nhằm giúp cho việc dễ tu Nhơn Đạo, dễ thực hành Ngũ luân, mà trong sách Trung Dung, nơi chương 20 đoạn 2, Tử Tư đã viết là muốn đạt Đạo thì phải làm tròn năm bốn phận: “Thiên hạ chi đạt Đạo ngũ; Viết: quân thần dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã; ngũ dã thiên hạ chi đạt Đạo dã”.

* * *

Phần trên đã nói về Nhơn Đạo. Đến đây, xin được tạm bàn luận chữ Thành liên quan đến Thiên Đạo.

Thiên Đạo ở đây được nói hàm ý Thánh Đạo Phối Thiên và Phật Đạo giải thoát mà Đạo Cao Đài gọi là Thiên Đạo.

Muốn đạt được Thánh Đạo Phối Thiên như nói theo Khổng giáo hay Lão giáo, hoặc Thiên Đạo siêu thăng giải thoát hay Lão giáo, hoặc Thiên Đạo siêu thăng giải thoát như nói theo Đạo Cao Đài thì người tu phải hành trì trọn vẹn ba cái Đức và đây là ba Đức của Thành, ba Đức để Thành.

Ba đức ấy theo sách Trung Dung gồm có: Nhân, Trí, Dũng mà Tử Tư gọi là: “Sở hành chi giả tam... Trí, Nhân, Dũng tam giả;” Xin được nói đến từng Đức một.

Đức thứ nhất là Nhân.

Nhân được Tử Tư viết trong sách Trung Dung nơi chương 20 đoạn 1 như sau: “Tu thân dĩ Đạo; tu Đạo dĩ nhân. Nhân giả nhân dã...” nghĩa là muốn sửa mình để làm tròn Nhơn Đạo cũng như muốn tỉnh giác tức “minh thành” để có thể Phối Thiên, người tu thân trước tiên phải hành trì trọn vẹn Đạo Nhân.

Đạo Nhân theo Phật giáo Tiểu Thừa với Kinh Nikaya là lòng Vị Tha, còn theo Phật giáo Đại thừa thì đó là Tâm Từ Bi.

Lòng Vị tha hay Tâm Từ bi này của Đạo Phật được Kitô giáo gọi là lòng Bác Ái và Đạo Cao Đài thì gọi là Amour, Bác ái, Từ bi, Vị tha hay Nhân ái. Tất cả những chữ này đều được thấy trong Kinh, Cơ và ngữ lục của Đạo Cao Đài.

Tóm lại với đức Nhân thì qua câu tu thân dĩ Đạo, tu Đạo dĩ Nhân. Nhân giả, Nhân dã... Tử Tư đã nói rõ là muốn thực hành trọn vẹn Nhơn Đạo cũng như để “Minh Thành” tỉnh giác Phối Thiên người tu trước tiên phải thực hành đức Nhân.

Đức thứ hai là Trí.

Trí được đề cập hiện tại không phải là trí thể gian, tức trí mạnh được yếu thua, khôn còn dại mất, mà trí được nói đây là Trí Lương Trí của Đạo Khổng, cũng giống như Trí Bát Nhã của Đạo Phật hay Trí Vô Đối của Đạo Cao Đài.

Trí Lương Tri, nói theo ý nghĩa chữ Lương tri của Mạnh Tử là "Sở bất lự nhi tri, kỳ lương tri giả" thì đó là cái Trí đã đạt đến cái không cần suy nghĩ mà biết, nghĩa là cái biết tự nhiên tự tại, tức cái biết chưa hề bị ảnh hưởng bởi tư Tâm hay tư dục như nói theo Khổng giáo mà Đạo Phật gọi đó là cái biết của Chân Tâm, hay cái biết không bao giờ sai theo Giáo lý của nhà Phật.

Trên đây là sự giải thích chữ Trí Lương Tri căn cứ vào ý nghĩa chữ Lương tri của Mạnh Tử. Lương tri còn một ý nghĩa khác thâm diệu hơn, do danh Nho Vương Dương Minh định nghĩa rõ trong giáo thuyết Trí Lương Tri được trình bày qua Thiên Đại Học Vấn.

Trí Lương Tri theo Vương Dương Minh có khác Mạnh Tử ở chỗ Mạnh Tử coi Lương tri là cái không cần suy nghĩ mà biết, còn Vương Dương Minh đi xa hơn nói rằng Lương tri là cái "vô tri vô bất tri", "vô chiểu vô bất chiểu", có nghĩa Lương tri là Lý, là Đạo, tự nhiên tự tại, bản nhiên linh diệu vô cùng, không nghĩ mà biết, không học mà hay, trước Trời mà Trời không trái được (Tâm chi bản thể tức thiên lý dã; thiên lý chi chiểu minh linh giác sở vị lương tri dã - Ngũ lục, III) nghĩa là cái bản thể của Tâm là thiên lý và cái chiểu minh linh giác của thiên lý gọi là Lương tri, tức Lương tri là cái tinh linh của tạo hóa. Cái tinh linh ấy sinh Trời, sinh đất, tất cả bởi đó mà ra (Ngũ Lục, II).

Như vậy, Trí Lương Tri với Vương Dương Minh có nghĩa là đến cái Chiểu minh linh giác của Thiên lý mà theo Đạo Phật, thì đây không gì khác hơn là Chân Như Pháp Tánh, còn theo Lão giáo hay Đạo Cao Đài thì đó là Đạo.

Tóm lại, đạt đến Trí, được hiểu trong bối cảnh của Trí Lương Tri, dù theo Mạnh Tử hay theo Vương Dương Minh cũng hàm súc ý nghĩa là đạt đến Đạo và Đạo được nói ở đây là Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo.

Đức thứ ba là Dũng.

Dũng có nghĩa là mạnh dạn, hàm ý năng lực tinh thần.

Đức Dũng dùng thể chỉ sự mạnh dạn tinh thần, là khả năng tiết dục, kềm chế những nét xấu của mình, đồng thời cũng là sức tinh tấn phấn đấu trong việc tu hành để đoạn trừ phiền não, diệt khổ đau, rõ nhất và đặc biệt nhất là triệt tiêu tư Tâm tư dục.

Đây là Đức phụ thuộc mà cũng là Đức chính yếu.

Nói phụ thuộc vì chỉ cần có hai đức Nhân và Trí là quả Thánh hay quả Phật đã thành rồi. Còn nói chính yếu vì nếu thiếu Dũng thì đường tu sẽ dễ lui sụt, không tinh tấn, và như vậy đức Dũng dù là đức thứ ba dùng để hỗ trợ nhưng lại là đức cần thiết kèm giữ cho hai đức Nhân và Trí thẳng tiến đúng đường.

* * *

Sau phần giải nghĩa ba Đức, đến đây một câu hỏi được đặt ra là tại sao phải có ba Đức này thì mới đạt Đạo tức mới Thành mà trong Kinh Đạo Cao Đài có ghi rằng "Đạo gốc bởi lòng Thành tín hiệp" và "Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành, Từ Bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn".

Để trả lời câu hỏi này xin được nhờ Giáo lý của Đạo Phật và Đạo Cao Đài để chứng minh. Theo Giáo lý Đạo Phật thì Phật Tánh gồm tất cả có chín (09) mà trong đó ba tánh quan trọng nhất là Từ Bi, Trí Tuệ, và Bình Đẳng.

Cũng theo Giáo lý Đạo Phật thì muốn thành Đạo người tu phải dụng công tu hai phần quan trọng mà tiếng thông thường gọi là Song Tu. Đó là tu Phước và tu Huệ.

Tu Phước là hành Thiện hay thực hiện hạnh Từ Bi mà Khổng giáo gọi là Nhân và Đạo Cao

Đài cũng gọi là Từ Bi, Bác Ái, Nhân Ái hay chữ Pháp là Amour được viết trên ảnh tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Đền Thánh, Tòa Thánh Tây Ninh.

Còn tu Huệ là tu trí tuệ mà với Phật giáo là Trí tuệ Bát Nhã, với Khổng giáo là Trí Lương Tri, và với Đạo Cao Đài là Trí Vô Đối.

Tu Huệ cộng với tu Phước là Song Tu mà song tu thì Đạo Thành.

Đạo Thành với Khổng giáo hay Lão giáo vì Thánh Tâm đã tròn đầy, Thánh quả đã đạt sau khi có đầy đủ ba đức là Nhân, Trí, Dũng.

Đạo Thành với Phật giáo vì Phật Tánh đã có đầy đủ là Từ Bi, Trí Tuệ và Bình Đẳng.

Còn với Đạo Cao Đài, Đạo Thành vì có đủ lòng Nhân hay lòng Từ Bi được biểu thị bằng chữ Amour, và Trí, Dũng (theo Khổng) hay Trí Tuệ và Tâm Bình Đẳng (theo Phật) được Đạo Cao Đài biểu thị qua chữ Justice trên ảnh tượng Tam Thánh.

Justice là tiếng Pháp, có nghĩa là Công Bằng, mà muốn Công Bằng thì trước tiên phải Bình đẳng, và để Bình đẳng thì phải không phân biệt (non-discrimination)

Không phân biệt tức Bình đẳng là Phật Tánh thứ ba của Phật, mà chỉ có người tu đạt được Trí tuệ viên mãn thì mới hành trì được. Nói rõ hơn là muốn có Trí không phân biệt hay Trí bình đẳng thì trước tiên phải có Trí Bát Nhã như nói theo Đạo Phật hay Trí Vô Đối như nói theo Đạo Cao Đài.

Trí Vô Đối của Đạo Cao Đài bao hàm Trí Bát Nhã và Trí Bình Đẳng. Phải có Trí Vô Đối trước rồi Bình Đẳng hay Công Bình (Justice) mới xuất hiện. Nói khác hơn là Công Bình (Justice) hàm ý sự tựu trung của Trí Vô Đối và Tâm Bình Đẳng theo Giáo lý của Đạo Cao Đài, và Giáo lý này được ghi trong Ảnh Tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Đền Thánh, Tòa Thánh của Đạo Cao Đài.

KẾT LUẬN:

Giáo lý Đạo Cao Đài dạy về tu thân không khác Khổng giáo, và cũng giống như Giáo lý của Phật giáo về tu Tâm dù rằng dụng công để tu Tâm của Đạo Cao Đài có chỗ khác với Đạo Phật.

Cả ba Tôn giáo nói về tu thân đều dạy hành Thiện, còn về tu Tâm thì cũng chẳng có gì khác biệt.

Trong phần kết luận này xin được tóm lược lại với sự để ý vào việc tu Tâm, bắt đầu bằng Khổng giáo, tiếp đến là Phật giáo và sau cùng là Đạo Cao Đài.

*** KHỔNG GIÁO:**

Thứ nhất, Khổng giáo dạy tu thân nhấn mạnh vào việc làm, làm Thiện bỏ ác.

Thứ hai, sách Đại Học và Đại Học Vấn nói về tu thân ngoài làm Thiện bỏ ác còn có chủ ý dạy luyện Tâm.

Sách Đại Học nói "Tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí ư chí Thiện" ngoài cái nghĩa phải đi đến chí Thiện, còn để chỉ cho thấy rõ cái bản thể của Tâm là vô Thiện vô ác (chí Thiện) với mục đích nhằm đạt được cái Tâm bình đẳng, vô ngã, vô pháp (thân dân) để cuối cùng là Phối Thiên (minh minh đức) (Xin xem chương 38 Đạo Đức Kinh với Lão Tử bảo muốn Phối Thiên tức trở về với Đạo thì phải minh minh đức).

Còn Thiên Đại Học Vấn nói Cách vật, Trí tri, Thành ý là cốt bảo phải chính cái Tâm để tu cái thân.

Trí tri, Cách vật ngoài biết Thiện biết ác và bỏ ác làm Thiện, còn có một nghĩa khác cao siêu hơn là nhờ cái chiếu minh linh giác của Thiên Lý, bản thể của Tâm (Trí Tri) để đem mọi vật, mọi việc trở về đúng với cái Lý đối với vật, cái Tính đối với người mà Lý và Tính đều là Thiên Lý (Cách Vật), với mục đích cuối cùng là làm cho cái ý, mà cũng là cái Tâm theo đúng Lương tri, tức bản thể của Tâm (Ý Thành) (Phụ Lục, III)

Ở đây, có một điều cần được nêu ra, đó là có một sự khác biệt trong trình tự dụng công tu Tâm giữa Khổng giáo và Phật giáo. Phật giáo chủ vào Tâm, còn Khổng giáo chủ vào Ý. Dù vậy, cả hai đều tu Tâm ý, tức tu mà dùng Thành ý, Chánh Tâm là thể để khôi phục lại cái thân là dụng, có nghĩa là dùng tiên thiên chinh phục hậu thiên, một cách tu đặc thù Phật giáo. Vậy xin được nói về cách tu Tâm của Phật giáo.

*** PHẬT GIÁO:**

Thứ nhất, Phật giáo dạy tu cũng nhấn mạnh vào việc hành Thiện (chương 23, Kinh Kim Cang) tức làm Thiện bỏ ác (chư ác mạc tác, tín Thiện phụng hành.)

Thứ hai, cũng với chương 23 Kinh Kim Cang, Phật giáo dạy tu trí tuệ, dùng trí tuệ phá tất cả các tướng để vô ngã (dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả), vô pháp (sở ngôn Thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi Thiện pháp, thị danh Thiện pháp),

Thứ ba, là đạt được Tâm bình đẳng (thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ). Đây là ba đức tánh chủ yếu của một ông Phật mà muốn đạt đến được là phải nương cậy vào Tâm.

Như vậy, giống như Khổng giáo là Thành ý, Chính Tâm để tu thân, Phật giáo cũng chủ trương là tu ngay ở Tâm, vì Tâm là chủ thể của thân.

Cách tu của Khổng giáo hay Phật giáo để Phối Thiên hay giải thoát có vẻ như dị biệt chỉ nhìn qua cách dụng công. Dù vậy, về phương diện Giáo lý thì không có gì khác nhau cả.

Phật giáo chủ trương tu ngay ở Tâm để đạt Đạo. Còn Khổng giáo thì dạy Thành ý, mà Thành ý thì đương nhiên chính Tâm. Như vậy cả hai đều cuối cùng nương vào Tâm để tu.

Hai Giáo lý của Khổng giáo (Ý, Tâm, Thân) và Phật giáo (Tâm, Thân) cũng là một, đó là Tâm, mà Tâm cũng là Giáo lý của Đạo Cao Đài.

Hai cách tu của Khổng giáo (nhập thể) và Phật giáo (xuất thể) tựu trung lại cũng vẫn là một với Đạo Cao Đài. Đạo Cao Đài vì lý do Phổ Độ, phục vụ vạn linh nên có cách tu đặt trọng Tâm vào từng giai đoạn của một đời tu.

*** ĐẠO CAO ĐÀI:**

Giáo lý và cách tu của Đạo Cao Đài rất nhân bản, nhân Đạo, hợp tình và hợp lý.

Tín đồ Cao Đài vì tại thế nên không làm sao tránh khỏi nhập thể. Đó là Đạo Cao Đài có cách tu phần nào giống Khổng giáo, còn chú trọng đến thân và đặt trọng Tâm vào Nhơn Đạo.

Dù vậy, trong Giáo lý của Đạo Cao Đài, theo như lời Đức Hộ Pháp thuyết Đạo, thì đức Chí Tôn có dạy rằng Chơn Tâm là thực tướng của Chơn Linh tại thế.

Để trở về với Chơn Linh tức Chơn Như Pháp Tánh, mà cũng là Thầy là Đạo, Đức Chí Tôn Đạo Cao Đài trong đàn Cơ ngày khai Đạo tại chùa Gò Kén đêm 14 tháng 10 Bính Dần (1926) đã dạy là phải nương nhờ vào Tâm để mà tu.

Bài Cơ như sau:

“Hương Tâm nhất phiến cận Càn Khôn,
Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.
Nhất niệm Quan Âm thùý bảo mạng,
Thiên niên đặng phái thủ sanh tồn.”

Có nghĩa là muốn cận Càn Khôn tức thành Phật, thành Trời thì người tín đồ Cao Đài phải trông cậy nơi Hương Tâm (Cao Đài), Lương Tâm (Khổng giáo) hay Chân Tâm (Phật giáo).

Phải tu Tâm và tu Huệ (huệ đức tu chơn độ dẫn hồn)
Tu huệ để thấy thân này là vay mượn, là bất tịnh, là duyên hợp, là vô thường như đã trình bày ở phần I.

Tu Huệ nhằm thấy rõ đời là khổ, không, thân vô thường, pháp vô ngã để còn phát Tâm từ bi, lòng bác ái mà lo độ đời nâng Đạo.
Muốn độ đời nâng Đạo, người tu phải độ mình, nâng mình trước đã. Nói khác hơn là phải tự giác rồi mới có thể giác tha. Nếu mình chưa độ được mình thì khó có thể độ cho bất cứ ai. Muốn độ mình thì trước hơn hết phải giữ gìn Giới cấm.
Giới cấm Đạo Cao Đài có đến tám Giới chứ không phải chỉ năm Giới. Trong tám Giới đó thì bốn Giới liên quan đến lời nói tức “ngữ Giới” là khó giữ hơn cả.

Phải giữ Giới để tự độ mình rồi mới có thể độ người được. Không giữ Giới chắc chắn là không tự độ được mình rồi thì làm sao có thể nói là độ đời nâng Đạo.
Nếu tu mà cứ nói phải nói quấy, nói thấp nói cao, nói hơn nói thua, nói tốt nói xấu, nói thương nói ghét, tức nhị biên, nhị ngã, cũng như bày mưu lập kế, xúi dục tranh giành, nói lời độc ác, như vậy là đâu có tu hành gì.

Thiên Nhân chỉ có một chứ không hai.

Mỗi ngày chúng ta đi cúng, nhìn lên Thiên Nhân chỉ có một. Thế rồi sau khi cúng xong, trở ra hậu điện, hậu đường lại nói hai, nói ba rồi hơn thua nhau, tranh chấp nhau, như vậy là mình đã không tự độ mình rồi thì làm sao độ Đời nâng Đạo được.
Muốn độ Đời nâng Đạo thì xin rón nghe và ít nói. Ít nói càng hay, không nói càng tốt.

Đức Quán Thế Âm, Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm của Đạo Cao Đài không nói mà chỉ nghe (Quán Thế Âm). Ngài nhờ tu Tánh nghe mà đạt “Nhĩ căn viên thông” rồi đắc Đạo./.

***Tác Giả: Bạch Y (HT. Lê văn Thêm)**

HẾT